ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 8699 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 22 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xã Hậu Thạnh, tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo Thông báo số 4925/TB-SXD ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn tỉnh Tây Ninh về kết luận Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chung xã Hậu Thạnh, tỉnh Tây Ninh;

Theo Báo cáo số 1511/BC-VP ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổng hợp ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xã trên địa bàn tỉnh (đợt 3);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4927/TTr-SXD ngày 24 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xã Hậu Thạnh, tỉnh Tây Ninh, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi lập quy hoạch chung xã Hậu Thạnh là toàn bộ địa giới hành chính xã Hậu Thạnh theo Đề án số 350/ĐA-CP ngày 09/5/2025 của Chính phủ sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh; phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp xã Tuyên Thạnh;

- Phía Nam: Giáp tỉnh Đồng Tháp;

- Phía Đông: Giáp các xã Mộc Hóa, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh;

- Phía Tây: Giáp xã Vĩnh Châu.

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch 93,82 km^2 (theo phạm vi ranh giới Đề án số 350/ĐA-CP ngày 09/5/2025 của Chính phủ sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh (diện tích chính xác sẽ xác định khi lập quy hoạch, căn cứ pháp lý, hồ sơ khảo sát, quản lý sử dụng đất đai ngành Nông nghiệp và Môi trường quản lý).

c) Thời hạn lập quy hoạch đến năm 2050, giai đoạn ngắn hạn đến năm 2035.

2. Mục tiêu lập quy hoạch chung xã

- Cụ thể hóa các định hướng của quy hoạch tỉnh đối với xã Hậu Thạnh;

- Xác định quy mô, tính chất, định hướng phát triển không gian xã; khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế xã (vị trí địa lý, tài nguyên đất đai, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, kết nối giao thông,...) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển mới, hội nhập với sự phát triển của vùng và khu vực (kết nối giao thông, kết nối các xã lân cận) và thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội;

- Đảm bảo phát triển đồng bộ và đáp ứng về không gian cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp thoát nước, năng lượng) và phát triển hài hòa giữa các khu vực, khu chức năng trong phạm vi quy hoạch (ví dụ: khu vực sản xuất nông nghiệp - khu dân cư tập trung);

- Làm cơ sở triển khai lập quy hoạch chi tiết khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng và quản lý việc xây dựng theo quy hoạch;

- Đề xuất danh mục chương trình đầu tư, dự án đầu tư theo từng giai đoạn;

- Làm cơ sở để lập kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thu hút đầu tư dự án trên địa bàn xã.

3. Tính chất, chức năng (có thể bổ sung điều chỉnh khi nghiên cứu quy hoạch)

- Xã Hậu Thạnh là xã nông thôn, được định hướng phát triển nông thôn, nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển các làng nghề truyền thống kết hợp du lịch sinh thái, trải nghiệm, tham quan, du lịch cộng đồng.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

a) Quy mô dự báo:

- Dự báo quy mô dân số: Đến năm 2035 khoảng 21.000-22.000 người; đến năm 2050 khoảng 25.000-26.000 người. Dự báo quy mô lao động sẽ được cụ thể hóa trong giai đoạn lập đồ án.

- Dự báo đất xây dựng được xác định khi nghiên cứu hồ sơ quy hoạch, trên cơ sở hiện trạng, QCVN 01:2021/BXD và các quy định hiện hành có liên quan.

b) Chỉ tiêu, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật xác định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và các quy định hiện hành *(nhu cầu sử dụng đất, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật được luận cứ, tính toán trong quá trình lập quy hoạch; đảm bảo sử dụng đất đai, tài nguyên hiệu quả và đúng quy định, tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và quy định có liên quan)* được sơ bộ xác định tại bảng sau:

Các chỉ tiêu về sử dụng đất:

TT	Nội dung	Chỉ tiêu
1	Chỉ tiêu sử dụng đất	
1.1	Đất cây xanh công cộng	- Chỉ tiêu sử dụng đất: ≥ 2 m²/người
1.2	Đất xây dựng công trình nhà ở	- Chỉ tiêu sử dụng đất ≥25 m²/người
1.3	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	- Chỉ tiêu sử dụng đất ≥5 m²/người
1.4	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	- Chỉ tiêu sử dụng đất ≥5 m²/người
2	Chỉ tiêu công trình hạ tầng xã hội	
2.1	Trụ sở xã	- Tổng diện tích đất ≥1.000 m²
		- Diện tích đất sử dụng ≤ 500 m²
2.2	Công trình giáo dục	
+	Trường, điểm trường mầm non	- Chỉ tiêu sử dụng đất: ≥ 12 m²/chỗ
		- Bán kính phục vụ: ≤ 1km
		- Chỉ tiêu sử dụng công trình: ≥ 50 chỗ/1000 dân
+	Trường, điểm trường tiểu học	- Chỉ tiêu sử dụng đất: ≥ 10 m²/chỗ
		- Bán kính phục vụ: ≤ 1 km
		- Chỉ tiêu sử dụng công trình: ≥ 65 chỗ/1000 dân
+	Trường THCS	- Chỉ tiêu sử dụng đất: ≥ 10 m²/chỗ
		- Chỉ tiêu sử dụng công trình: ≥ 55 chỗ/1000

TT	Nội dung	Chỉ tiêu
		dân
2.3	Trạm y tế	- Chỉ tiêu sử dụng đất:
		+ Không có vườn thuốc: ≥ 500 m²
		+ Có vườn thuốc: ≥ 1.000 m²
		- Chỉ tiêu sử dụng công trình: 1 trạm/xã
2.4	Trung tâm văn hóa, thể thao	+ Chỉ tiêu sử dụng đất Nhà văn hóa: ≥ 1.000 m²/công trình
		+ Chỉ tiêu sử dụng đất Phòng truyền thống: ≥ 200 m²/công trình
		+ Chỉ tiêu sử dụng đất Thư viện: ≥ 200 m²/công trình
		+ Chỉ tiêu sử dụng đất Hội trường: ≥ 100 chỗ/công trình
		+ Chỉ tiêu sử dụng đất Cụm công trình, sân bãi thể thao ≥ 5000 m^2/cụm
2.5	Chợ	- Chỉ tiêu sử dụng đất: ≥ 1.500 m²
		- Chỉ tiêu sử dụng công trình: 1 chợ/xã
2.6	Cửa hàng dịch vụ trung tâm	- Chỉ tiêu sử dụng đất: ≥ 300 m² - Chỉ tiêu sử dụng công trình: 1 công trình/khu trung tâm
2.7	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông (bao gồm cả truy cập internet)	- Chỉ tiêu sử dụng đất: > 150 m²/điểm - Chỉ tiêu sử dụng công trình: 1 điểm/xã

Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

TT	Nội dung	Chỉ tiêu
1	Đường giao thông nông thôn	Khu vực nông thôn: Chỉ đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật ≥5 m²/người
2	Cấp điện	- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: + ≥ 200W/người. + ≥ 330W/người đối với khu trung tâm
		- Công trình công cộng: + ≥ 15% nhu cầu điện sinh hoạt; + ≥ 30% nhu cầu điện sinh hoạt đối với khu trung tâm
		- Sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp ≥ 140 kw/ha
3	Cấp nước	- Nước sinh hoạt: + Khu vực nông thôn (Qsh-nt): ≥ 60 lít/người/ngày đêm. + Khu vực đô thị (Qsh-đt): ≥ 100 lít/người/ngày đêm. - Nước công cộng (Qcc): ≥10% Qsh - Nước sản xuất tiểu thủ công nghiệp: ≥ 8% Qsh-nt. - Nước cấp cho KCN-CCN: ≥20m^3/ha/ngày đêm cho tối thiểu 60% diện tích công nghiệp.
4	Thoát nước thải và vệ sinh môi trường	- Lưu lượng nước thải phát sinh ≥ 80% (cấp nước). - Chỉ tiêu chất thải rắn phát sinh ≥ 0,6 kg/người - Khoảng cách an toàn môi trường của điểm tập kết chất thải rắn phải ≥ 20 m.

TT	Nội dung	Chỉ tiêu
		- Quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1 000 người.
5	Thông tin liên lạc	- Thuê bao di động băng rộng: ≥ 85 thuê bao/100 người - Thuê bao cáp quang khu vực nông thôn: ≥ 25 thuê bao/100 người

5. Các yêu cầu nghiên cứu quy hoạch: *Thành phần, số lượng hồ sơ quy hoạch chung được thực hiện tuân thủ quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định pháp luật hiện hành liên quan; thể hiện tuân thủ các quy hoạch có liên quan đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt:*

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội; hiện trạng phân bố khu dân cư nông thôn, đô thị (nếu có) và các khu chức năng; sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch và có liên quan; hiện trạng tài nguyên và môi trường; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Đánh giá điều kiện tự nhiên và môi trường, các đặc điểm tự nhiên của khu vực về địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy hải văn, thủy lợi, địa chất công trình, địa chấn..., đặc điểm cảnh quan sinh thái của khu vực trong mối liên kết với các khu vực xung quanh; đánh giá ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên tới khu vực quy hoạch và phát triển khu vực và đánh giá quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng.

- Hiện trạng về dân số, lao động, đặc điểm kinh tế - xã hội: Đánh giá hiện trạng phát triển dân cư khu vực quy hoạch, thống kê tỉ lệ dân số, lao động; mức độ phát triển kinh tế, khả năng tăng trưởng, thu hút nguồn nhân lực, nguồn vốn đầu tư; đánh giá lịch sử phát triển, văn hóa xã hội trong khu vực, những ảnh hưởng tác động môi trường văn hóa lịch sử quá trình phát triển kinh tế, văn hóa và đời sống của cư dân.

- Hiện trạng về sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan: Đánh giá tình hình sử dụng đất khu vực lập quy hoạch theo các chức năng; lưu ý đối với công trình di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo và các khu vực cần đảm bảo về quốc phòng, an ninh. Thống kê sử dụng đất, đánh giá các vấn đề tồn tại về sử dụng đất cần giải quyết; thực hiện khoanh vùng vùng bảo vệ cảnh quan, môi trường và các khu vực tự nhiên có giá trị.

- Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; đánh giá ưu điểm, tồn tại của hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường cần giải quyết, tham mưu đề xuất.

- Tổng hợp, rà soát, phân tích đánh giá về các chương trình, dự án trong khu vực; rà soát mức độ triển khai, phân loại từng dự án so với tổng thể chung toàn khu.

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức; đề xuất vấn đề cần giải quyết, nghiên cứu hướng đến phát triển bền vững.

- Đánh giá, phân tích làm rõ vai trò, mối liên hệ vùng, hạ tầng cấp vùng (nhất là hạ tầng giao thông); đánh giá tính kết nối đồng bộ của liên kết không gian, hạ tầng kỹ thuật khung và kết nối giao thông tỉnh.

- Yêu cầu về cơ sở dữ liệu hiện trạng: Nguồn bản đồ nền địa hình, tài liệu, số liệu, thông tin hiện trạng: Yêu cầu bảo đảm chất lượng, độ tin cậy, nguồn và pháp lý rõ ràng; đảm bảo tính khoa học, đảm bảo số lượng, độ dài chuỗi dữ liệu theo thời gian lập quy hoạch (năm liền kề năm dự báo) phục vụ phân tích, dự báo khả thi.

- Yêu cầu sử dụng công nghệ GIS để lập quy hoạch chung xã.

- Phương hướng phát triển tại quy hoạch tỉnh, phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh và các dự án đang triển khai tác động đến phạm vi lập quy hoạch.

b) Xác định động lực và tiềm năng phát triển của xã; tác động, yêu cầu của định hướng, phương hướng, quy hoạch phát triển nông nghiệp, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng và tỉnh đối với quy hoạch chung;

c) Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường; các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên;

d) Phân vùng phát triển và yêu cầu quản lý;

đ) Định hướng phát triển không gian: Vị trí, quy mô và phương hướng tổ chức dân cư nông thôn, khu vực đô thị hóa (nếu có); khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác. Tổ chức phân bổ hệ thống trung tâm hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, nghiên cứu, đào tạo, y tế từ cấp tỉnh; trung tâm cụm xã, trung tâm xã;

- Xác định cấu trúc, định hướng phát triển không gian tổng thể các khu vực dân cư nông thôn, hệ thống trung tâm xã, khu vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, thương mại, dịch vụ (nếu có), các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn và các khu vực bảo vệ cảnh quan, bảo tồn;

- Định hướng tổ chức không gian tổng thể, kiến trúc cảnh quan. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn, khu dân cư nông thôn, khu vực bảo vệ cảnh quan, bảo tồn, khu chức năng sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, dịch vụ, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Định hướng phát triển hệ thống giao thông, hạ tầng đồng bộ để thúc đẩy phát triển hệ thống logistics góp phần phát triển kinh tế xã hội.

- Nghiên cứu các loại hình thu hút đầu tư đối với quy hoạch hạ tầng thương mại (như: chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng xăng dầu...) và xem xét bố trí quỹ đất phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn về quy mô, cơ sở vật chất, đảm bảo

bán kính phục vụ để thúc đẩy phát triển kinh tế của xã.

e) Nội dung quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo quy định;

g) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật xã về chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động;

h) Luận cứ và xác định chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện;

i) Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

k) Đề xuất các giải pháp về bảo vệ môi trường: Thiết lập các khu vực bảo vệ, phục hồi môi trường do tác động của hoạt động đầu tư xây dựng công trình; yêu cầu quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm trong quá trình đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

6. Hồ sơ sản phẩm: *Thành phần, số lượng hồ sơ quy hoạch chung tuân thủ quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định hiện hành liên quan; thể hiện tuân thủ các quy hoạch đã được phê duyệt.*

7. Quy định về lấy ý kiến quy hoạch chung xã thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định hiện hành có liên quan

8. Tổ chức thực hiện lập quy hoạch

- Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xã Hậu Thạnh, tỉnh Tây Ninh.

- Tỷ lệ lập quy hoạch 1/10.000, các khu vực điểm dân cư, khu vực trung tâm thể hiện tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/2.000 (trên cơ sở dữ liệu đo đạc, dữ liệu nền hiện có).

- Cấp phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Cơ quan thẩm định quy hoạch: Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh.

- Cơ quan lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng: Chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định, đảm bảo đúng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định pháp luật hiện hành; Lưu trữ nhiệm vụ quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh: Triển khai lập Quy hoạch chung xã Hậu

Thạnh, tỉnh Tây Ninh theo nhiệm vụ quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này; lấy ý kiến nội dung quy hoạch chung xã theo quy định tại Điều 36 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định hiện hành có liên quan.

3. Tổ chức tư vấn: Chịu trách nhiệm về số liệu, tính chuẩn xác tại nhiệm vụ quy hoạch chung xã Hậu Thạnh, tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Duy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thanh